

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

---

# **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ**

**Chuyên ngành: QUẢN LÝ GIÁO DỤC**

**Mã số: 62 14 01 14**

**Hà Nội, 2016**

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

## CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ GIÁO DỤC

MÃ SỐ: 62 14 01 14

*(Ban hành theo Quyết định số: 347/QĐ-VKHGDVN ngày 12 tháng 9 năm 2016  
của Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam)*

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Người hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục (QLGD) của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (gọi tắt là Viện) có trình độ cao về lý thuyết và có năng lực thực hành trong lĩnh vực Quản lý giáo dục; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn quản lý giáo dục; có năng lực hướng dẫn nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục, chuyên gia giảng dạy về lĩnh vực QLGD.

### 2. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình đào tạo Tiến sĩ QLGD của Viện là ***chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu, được thiết kế dành cho các NCS có đầu vào là thạc sĩ.*** Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học:

#### 2.1. Kiến thức

*Hiểu và trình bày được:*

- Những lý thuyết hiện đại và thực tiễn về chính sách của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp phát triển giáo dục;
- Những lý thuyết cơ bản về hệ thống giáo dục, xu thế tổ chức hệ thống giáo dục của một số nước trên thế giới, thực tiễn đổi mới hệ thống giáo dục Việt Nam và những yêu cầu đặt ra trong bối cảnh đổi mới GD;
- Những lý thuyết cơ bản, hiện đại về chất lượng, quản lý chất lượng và mô hình quản lý chất lượng trong giáo dục;

- Những lý thuyết cơ bản, hiện đại và thực tiễn quản lý giáo dục trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam, quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục và các điều kiện thực hiện trong bối cảnh phân cấp quản lý giáo dục, phát triển văn hóa nhà trường và xây dựng xã hội học tập;
- Những lý luận cơ bản và thực tiễn về quản lý nguồn nhân lực, phương pháp vận dụng trong quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục.

## **2.2. Kỹ năng**

*Có các kỹ năng chuyên ngành quản lý giáo dục:*

- Kỹ năng phân tích, tổng hợp, khái quát hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về chính sách trong GD và vận dụng được trong công việc quản lý cụ thể của bản thân;
- Vận dụng được các lý luận khoa học hiện đại về cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, những kinh nghiệm quốc tế và của Việt Nam vào việc đề xuất điều chỉnh cơ cấu hệ thống GD Việt nam trong bối cảnh đổi mới;
- Những kỹ năng cơ bản trong việc vận dụng những lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn về chất lượng, quản lý chất lượng và các mô hình quản lý chất lượng trong công việc quản lý cụ thể của bản thân;
- Những kỹ năng ban đầu vận dụng những thành tựu khoa học QLGD vào hoạt động thực tiễn công việc quản lý cụ thể của bản thân, thực hiện phân cấp quản lý theo hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở GD, quản lý môi trường văn hóa trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ở Việt Nam;
- Vận dụng thành thạo các lý thuyết hiện đại về quản lý nguồn nhân lực trong quản lý đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới GD ở nước ta;
- Vận dụng được các chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về phát triển giáo dục và quản lý giáo dục trong cơ chế ;
- Năng lực độc lập nghiên cứu khoa học QLGD và hướng dẫn nghiên cứu khoa học QLGD. Vận dụng thành thạo những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp luận nghiên cứu khoa học QLGD vào việc đề xuất và thực hiện thành

công đề tài luận án tốt nghiệp, chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở góp phần giải quyết những vấn đề thực tiễn QLGD phù hợp với nhu cầu của ngành và của đơn vị nơi công tác;

- Năng lực tự học, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực đánh giá và tự đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phạm vi trách nhiệm của mình;

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Năng lực thích nghi với môi trường thay đổi, trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế; Có thái độ và hành vi nghiêm túc, cầu thị trong các hoạt động quản lý, dạy học và nghiên cứu khoa học;

- Năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác của bản thân, chủ động vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách đó trong công tác quản lý cụ thể của bản thân; có tầm ảnh hưởng, có tầm bao quát và dẫn dắt tập thể, đề xuất được những định hướng, ý tưởng mới, đề xuất mới về mặt khoa học, quản lý các hoạt động nơi công tác.

### **2.4. Công việc có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Tùy theo hướng nghiên cứu chuyên sâu, người tốt nghiệp có thể đảm nhận vị trí cán bộ quản lý cấp trường, khoa, tổ trưởng chuyên môn, khối trưởng, chuyên viên các phòng chức năng, trung tâm ở các cơ sở giáo dục (thuộc hệ thống giáo dục đại học/hoặc giáo dục nghề nghiệp/hoặc giáo dục thường xuyên/hoặc giáo dục mầm non/hoặc giáo dục phổ thông), hoặc lãnh đạo, chuyên viên ở các cơ quan quản lý giáo dục từ cấp trung ương đến địa phương; nguồn cán bộ quản lý các cấp ở các cơ quan quản lý giáo dục ở các bộ, ngành, địa phương và các cơ sở giáo dục.

- Giảng viên, cán bộ nghiên cứu chuyên ngành QLGD tại các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, viện và trung tâm nghiên cứu về khoa học giáo dục.

### **3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau :

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành dự tuyển. Điểm trung bình học tập toàn khóa ở trình độ thạc sĩ và điểm bảo vệ luận văn theo quy định của Viện.

2. Đề tài luận án đăng ký nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu của Viện.

3. Có bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng: Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn Viện là cơ sở đào tạo; Đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ; Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

4. Có ít nhất 01 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển. Nội dung bài báo phù hợp với chuyên ngành và đề tài luận án đăng ký dự tuyển của thí sinh.

5. Có hai thư giới thiệu của giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu phải có ít nhất 6 tháng cùng công tác hoặc hoạt động chuyên môn với thí sinh. Những người giới thiệu thể hiện sự cam kết nhận làm cán bộ hướng dẫn nếu thí sinh được tuyển chọn làm nghiên cứu sinh.

6. Về ngoại ngữ:

6.1. Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ thuộc sáu thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước

đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1.

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

6.2. Căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Viện trưởng có thể quy định riêng về ngoại ngữ đối với từng chuyên ngành cụ thể.

7. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm) giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí, hoàn trả kinh phí cho nơi đã cấp nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

## **4. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

### **4.1. Thời gian và hình thức đào tạo**

- Thời gian đào tạo: 03 năm tập trung.

- Hình thức đào tạo: Chính quy.

### **4.2. Điều kiện tốt nghiệp**

2.1. Nghiên cứu sinh đã hoàn thành trong thời gian quy định luận án, chương trình học tập; cụ thể đã hoàn thành: các học phần bổ sung (nếu có); các học phần ở trình độ tiến sĩ; tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ;

2.2. Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định và được cán bộ hướng dẫn khoa học thông qua;

2.3. Có ít nhất hai bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo; và có ít nhất một bài viết tham gia Hội nghị khoa học của nghiên cứu sinh.

2.4. Về ngoại ngữ: Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau đây thuộc sáu thứ tiếng như đã nêu trên điều kiện dự tuyển:

a) Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu khung về ngoại ngữ trong thời hạn 01 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp bộ môn, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2.

b) Có một trong các văn bằng đã nêu tại điểm b, c của điều kiện dự tuyển về ngoại ngữ.

2.5. Luận án đã bảo vệ thành công ở cấp bộ môn và cấp Viện.

## **5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục, mã số 62.14.01.14 được cấu trúc gồm 3 phần nội dung:

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý Giáo dục, mã số 62 14 01 14, là **chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu, được thiết kế dành cho các NCS có đầu vào là thạc sĩ**, có cấu trúc gồm 03 phần:

### **Phần 1: Các học phần bổ sung**

Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, căn cứ quy định của Viện về danh mục chuyên ngành đúng, phù hợp và các chuyên ngành gần của người có bằng thạc sĩ đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ và các yêu cầu học các học phần bổ sung tương ứng, Trưởng Tiểu Ban chuyên ngành QLGD đề xuất và Viện trưởng quyết định các học phần mà nghiên cứu sinh phải học bổ sung (từ 3 đến 5 học phần), với khối lượng từ 9 – 15 tín chỉ theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

## **Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan**

(1) Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các nội dung mới, hiện đại trong lĩnh vực chuyên môn; những vấn đề quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng 2 - 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn, với tổng khối lượng là 12 tín chỉ.

Các học phần bắt buộc là những học phần cơ bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành đào tạo. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với các hướng nghiên cứu đề tài của nghiên cứu sinh, phù hợp với thực tiễn vị trí công tác và hoặc theo nhu cầu của nghiên cứu sinh.

(2) Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, giúp nghiên cứu sinh trực tiếp giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng là 6 tín chỉ. Các chuyên đề tiến sĩ do tập thể cán bộ hướng dẫn đề xuất, xây dựng đề cương trình Trường Tiêu Ban chuyên ngành phê duyệt.

(3) Báo cáo tiểu luận tổng quan (4 tín chỉ) về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải

## **Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ**

Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ với tổng là 68 tín chỉ.



## CẤU TRÚC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)
Phần chữ	Phần số		
		<b>Phần 1. Các học phần bổ sung</b> <i>Tùy thuộc chương trình đào tạo thạc sỹ các chuyên ngành gần của NCS, căn cứ Quy định của Viện về danh mục chuyên ngành đúng, gần và dựa vào CTĐT thạc sỹ của Viện, NCS cần học bổ sung từ 3-5 học phần, với tổng từ 9 – 15 tín chỉ</i>	<b>9 – 15</b>
		<b>Phần 2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan</b>	<b>22</b>
		<b>2.1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ</b>	<b>12</b>
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>8</b>
		1. Chính sách phát triển giáo dục thời kỳ đổi mới <i>(Policies for Education Development in Renovation Period)</i>	<b>3</b>
		2. Hệ thống giáo dục quốc dân và phân luồng, liên thông trong hệ thống giáo dục <i>(National Education Systems and Streaming, Articulation in Education System)</i>	<b>2</b>
		3. Mô hình quản lý chất lượng trong giáo dục <i>(Models of Quality Management in Education)</i>	<b>3</b>
		<b>Các học phần tự chọn (Chọn 2 trong số 5 học phần)</b>	<b>4</b>
		1. Quản lý giáo dục trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh hội nhập quốc tế <i>(Education Management in the Context of Market Economy Development and International Intergration Acceleration)</i>	<b>2</b>

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (tín chỉ)
Phần chữ	Phần số		
		2. Quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục ( <i>Autonomy and Social Accountability of Educational Institutions</i> )	2
		3. Quản lý nguồn nhân lực của cơ sở giáo dục ( <i>Human Resources Management of Educational Institutions</i> )	2
		4. Xây dựng xã hội học tập ( <i>Development of Learning Society</i> )	2
		5. Phát triển văn hóa nhà trường ( <i>Development of School Culture</i> )	2
		<b>2.2. Các chuyên đề tiến sĩ</b>	<b>6</b>
		Chuyên đề tiến sĩ 1	2
		Chuyên đề tiến sĩ 2	2
		Chuyên đề tiến sĩ 3	2
		<b>2.3. Tiểu luận tổng quan</b>	<b>6</b>
		<b>Phần 3. Nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ</b>	<b>66</b>
		<b>Tổng cộng</b> (Chưa tính số tín chỉ học bổ sung)	<b>90</b>

## 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục quy định về mục tiêu, cấu trúc và khối lượng nội dung các học phần. Đây là căn cứ để xây dựng đề cương các học phần cụ thể và tổ chức đào tạo cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, điều kiện cụ thể của Viện và đáp ứng yêu cầu đổi mới GD. Đồng thời, Chương trình đào tạo là cơ sở để Viện quản lý chất lượng đào tạo.

Việc lựa chọn đề tài nghiên cứu phải phục vụ trực tiếp cho quá trình đổi mới giáo dục, ở phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục của các bộ, ngành, địa phương,

hoặc của các cơ sở giáo dục, tùy thuộc vào nhu cầu của vị trí làm việc và năng lực của bản thân NCS, hoặc theo yêu cầu trực tiếp của cơ quan chủ quản của NCS. Việc lựa chọn và triển khai đề tài luận án tốt nghiệp được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và của Viện KHGDVN.

Để phù hợp với điều kiện thực tiễn các đối tượng tuyển sinh đầu vào có văn bằng thạc sĩ các chuyên ngành gần với chuyên ngành quản lý giáo dục, đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của NCS, định hướng nghiên cứu đề tài luận án của NCS, các phân nội dung được thiết kế như sau:

Các học phần bổ sung: Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại của Viện, Trưởng Tiểu Ban chuyên ngành QLGD đề xuất và Viện trưởng quyết định các học phần mà nghiên cứu sinh phải học bổ sung, với khối lượng từ 9 – 15 TC.

Trong năm đầu của chương trình đào tạo, mỗi NCS phải hoàn thành Báo cáo tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước có liên quan tới đề tài nghiên cứu, Đề cương chi tiết đề tài luận án và các học phần ở trình độ tiến sĩ.

Các học phần tiến sĩ được thiết kế bao gồm 3 học phần bắt buộc (với tổng là 8 TC), chung đối với tất cả NCS và NCS tự chọn học 2 học phần trong số 5 học phần tự chọn (2 TC/học phần) tùy theo nhu cầu của NCS, phù hợp với thực tiễn vị trí công tác và nhu cầu phục vụ nghiên cứu đề tài luận án.

Mỗi nghiên cứu sinh phải tự nghiên cứu theo hướng dẫn của tập thể cán bộ hướng dẫn và hoàn thành 3 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng là 9 tín chỉ. Nghiên cứu sinh hoàn thành các chuyên đề tiến sĩ trong năm thứ 2 của Chương trình đào tạo. Các chuyên đề tiến sĩ do tập thể cán bộ hướng dẫn đề xuất, xây dựng đề cương trình Trưởng Tiểu Ban chuyên ngành phê duyệt. Nội dung các chuyên đề tiến sĩ thể hiện các kết quả nghiên cứu đề tài luận án, hoặc liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, giúp nghiên cứu sinh trực tiếp giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

Để nâng cao chất lượng luận án, sau khi hoàn thành dự thảo luận án, được sự đồng ý và đề nghị bằng văn bản của tập thể cán bộ hướng dẫn khoa học, được sự ủy quyền của Viện trưởng, Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng tổ chức seminar khoa học để xin ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các chuyên gia chuyên ngành QLGD. Trên cơ sở tiếp thu các ý kiến góp ý của các nhà khoa học, hướng dẫn của tập thể cán bộ hướng dẫn, NCS hoàn thiện luận án và chuẩn bị hồ sơ trình Viện và đăng ký bảo vệ luận án cấp cơ sở. Luận án được đưa ra bảo vệ ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở nếu được Hội đồng đánh giá không đạt yêu cầu, NCS phải tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và chuẩn bị các hồ sơ theo quy định trình Viện để đăng ký bảo vệ cấp cơ sở lần 2...